TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2026/HNGĐ – ST
Ngày 06 tháng 5 năm 2026.
" V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Nhạn;
2. Ông Lê Đức Toàn;

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Lồ Kim Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 23/2026/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026; Giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Cứ Thị M, sinh ngày 01/01/2005;
Số căn cước công dân: 010305001…;
Nơi cư trú: Thôn T, xã D, tỉnh Lào Cai.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Sùng A V, sinh ngày 21/4/1996.
Số căn cước công dân: 010096009….;
Nơi cư trú: Thôn T, xã D, tỉnh Lào Cai.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 19/01/2026 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn chị Cứ Thị M trình bày:

Chị và anh Sùng A V về ở với nhau như vợ chồng từ năm 2017, đến ngày 09/01/2023 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện B, tỉnh Lào

Cai (nay là xã D, tỉnh Lào Cai) theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/2023, ngày 09/01/2023.

Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian, càng về sau cuộc sống vợ chồng ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách. Anh Sùng A V không chịu khó làm ăn, tạo dựng cuộc sống chung, ngoài ra anh V còn có tình cảm với người con gái khác, khiến hôn nhân ngày càng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã ngồi nói chuyện với nhau nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày một trầm trọng thêm. Thực tế từ tháng 8/2025 anh, chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau.

Đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Trong thời gian chung sống, chị và anh Sùng A V sinh được 03 con chung, cháu thứ nhất Sùng Thị N, sinh ngày 25/5/2018; cháu thứ hai Sùng Phấn Điệp, sinh ngày 26/11/2019 và cháu thứ ba Sùng Thế V, sinh ngày 21/10/2021. Từ khi sống ly thân cả 3 cháu đang sống với anh Sùng A V. Hiện tại anh Sùng A V đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ tại thôn Tả Phìn; các cháu vẫn khỏe mạnh bình thường.

Nay ly hôn do chị phải đi làm, không có điều kiện nuôi con, chị để anh Sùng A V nuôi cả 3 cháu đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị và anh Sùng A V không có tài sản chung, không nợ ai và cho ai vay, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ghi ngày 18 tháng 3 năm 2026 bị đơn anh Sùng A V trình bày:

Anh và chị Cử Thị M về ở với nhau như vợ chồng từ năm 2017, đến ngày 09/01/2023 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã D, tỉnh Lào Cai) theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/2023, ngày 09/01/2023.

Sau khi kết hôn anh, chị sống với nhau hạnh phúc, đôi khi không hợp nhau về tính cách nhưng vẫn sống hạnh phúc. Do gia đình gặp khó khăn về kinh tế, nên chị M đi làm, khi chị M đi làm thì không gọi điện được và vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2025, từ khi sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị M ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng sinh được 03 con chung, cháu thứ nhất Sùng Thị N, sinh ngày 25/5/2018; cháu thứ hai Sùng Phấn Đ, sinh ngày 26/11/2019 và cháu thứ ba Sùng Thế V, sinh ngày 21/10/2021. Từ khi sống ly thân cả 3 cháu sống với anh. Hiện tại anh V có nhà riêng, làm trên đất bố mẹ cho. Vì vậy anh đề nghị được nuôi dưỡng cả 3 con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh yêu cầu chị Mỷ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu là 1.700.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa anh thay đổi, đề nghị cấp dưỡng 1.000.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh Sùng A V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chung sống vợ chồng không nợ ai, nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Đối với vụ án này Tòa án không hòa giải được vì nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải.

Tại phiên toà:

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lào Cai có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo quy định pháp luật. Thư ký phiên toà, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy địnhvề mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cử Thị M được ly hôn anh Sùng A V.

Về con chung: Giao cháu cả 3 con chung, cháu Sùng Thị N, sinh ngày 25/5/2018; cháu Sùng Phấn Đ, sinh ngày 26/11/2019 và cháu Sùng Thế V, sinh ngày 21/10/2021 cho anh Sùng A V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Cử Thị M phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho 3 cháu, mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về án phí: Chị Cử Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Sùng A V có địa chỉ tại thôn Tn, xã D, tỉnh Lào Cai. Như vậy Tòa án nhân dân Khu vực 7- Lào Cai thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Nguyên đơn chị Cử Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Chị Cử Thị M và anh Sùng A V về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, đến ngày 09/01/2023 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã D, tỉnh Lào Cai) theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/2023 ngày 09/01/2023 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Xét đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn trình bày thì quá trình chung sống luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là hai bên bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách. A Sùng A V không chịu khó làm ăn, tạo dựng cuộc sống chung, ngoài ra anh V còn có tình cảm với người con gái khác, khiến hôn nhân ngày càng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã ngồi nói chuyện với nhau nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày một trầm trọng thêm. Thực tế tháng 8/2025 anh chị đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Tại bản tự khai và tại phiên tòa anh Sùng A V cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn của chị Mỷ và anh V là có thật. Đến nay cả hai anh, chị đều đồng ý ly hôn. Tuy nhiên do chị M có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vì vậy Tòa án không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự được mà áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Cử Thị M được ly hôn anh Sùng A V.

[4] Về con: Chị Cử Thị M và anh Sùng A V sinh được 03 con chung, cháu thứ nhất Sùng Thị N, sinh ngày 25/5/2018; cháu thứ hai Sùng Phấn Đ, sinh ngày 26/11/2019 và cháu thứ ba Sùng Thế V, sinh ngày 21/10/2021. Chị Cử Thị M đồng ý để anh Sùng A V nuôi cả 3 cháu đến tuổi trưởng thành. Tại các bản tự khai và tại phiên tòa anh Sùng A V đồng ý nuôi dưỡng cả 3 con chung.

Xét thấy tại tại phiên tòa thì anh Sùng A V cho rằng bản thân là lao động tự do, thu nhập 200.000 đồng/ngày, có nhà ở riêng được làm trên đất bố mẹ cho, lời khai của anh Sùng A V phù hợp với xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú, quá trình sống tại nơi cư trú anh Sùng A V thực hiện tốt nghĩa vụ công dân. Chị Cử Thị M thường xuyên đi làm ăn xa nhà, khi hỏi ý kiến của cháu Sùng Thị N thì cháu có nguyện vọng muốn ở với anh Sùng A V, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Cử Thị M và anh Sùng A V, giao cả 3 con chung cho anh Sùng A V nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung:

Tại phiên tòa anh yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy chị M là lao động tự do thu nhập hàng tháng từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng/ngày, nay anh Sùng A V yêu cầu cấp dưỡng mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng phù hợp với quan điểm của chị M. Vì vậy

cần chấp nhận yêu cầu của chị Mỷ và anh Vàng. Chị Cứ Thị M phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu trưởng thành là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản: Chị Cứ Thị M và anh Sùng A V không yêu cầu Toà án giải quyết, trong quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị Cứ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

*Vì các lẽ trên***:**

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Cứ Thị M được ly hôn anh Sùng A V. Quan hệ hôn nhân của chị Cứ Thị M và anh Sùng A V chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con: Giao các cháu Sùng Thị Nàng, sinh ngày 25/5/2018; cháu Sùng Phấn Đ, sinh ngày 26/11/2019 và cháu Sùng Thế V, sinh ngày 21/10/2021 cho anh Sùng A V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Cứ Thị M phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho 3 cháu, cháu thứ nhất Sùng Thị N, sinh ngày 25/5/2018; cháu thứ hai Sùng Phấn Đ, sinh ngày 26/11/2019 và cháu thứ ba Sùng Thế V, sinh ngày 21/10/2021, mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 1 Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị Cứ Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Cứ Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định

kỳ, tổng tiền án phí sơ thẩm là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án, phí lệ phí Tòa án số 0000638 ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị Cử Thị M phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 7-Lào Cai (2);
- Đương sự (2);
- UBND xã D;
- THA DS khu vực 7 – Lào Cai;
- Lưu TA,VP, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Duy Chiến